

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HSPT

Ngày: 17-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Tư**

Ông **Nguyễn Phước Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà **Lê Thị Tuyết Hoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/HSPT ngày 27/02/2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2025/HSST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1981 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T; có vợ Nguyễn Thị Thanh P; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Văn Q – Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2021, anh Nguyễn Bình K có tranh chấp hợp đồng mua bán với chị Nguyễn Thị Ánh T1, anh K dự định khởi kiện chị T1 để đòi lại số tiền là 897.464.000 đồng. Sau đó có Bùi Hải P1 giới thiệu cho anh K liên hệ đến

Nguyễn Văn N (N là bạn của Phận) để trao đổi về việc N làm đại diện cho K để thực hiện khởi kiện chị T1 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Từ đó, K gặp mặt và thống nhất lập giấy ủy quyền cho N tham gia vụ kiện với tư cách là người đại diện. Ngày 24/12/2021 K và N lập giấy ủy quyền tại Văn phòng C, địa chỉ: Số A đường B, Phường A, thành phố V với nội dung: “Ngoan sẽ thay mặt anh K nộp đơn khởi kiện và khởi kiện sửa đổi bổ sung (nếu có) nhận thông báo nộp tiền án phí, thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ kiện và đại diện cho K tham gia vụ án cho đến khi có kết quả giải quyết”. K và N không thỏa thuận mức thù lao thanh toán mà hứa hẹn khi vụ việc được giải quyết thì sẽ tính tiền sau. Tại Văn phòng công chứng K đưa tiền mặt cho N là 40.000.000 đồng để nộp án phí và chi phí khác. Sau đó K cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc để N thực hiện việc lập đơn khởi kiện vụ án dân sự. Từ đó anh K và N thường xuyên liên hệ qua điện thoại (N sử dụng số 0939318191) và nhắn tin qua mạng Zalo (tài khoản tên Nguyễn N).

Đến đầu năm 2022 do cần tiền tiêu xài nên N đã đưa ra thông tin gian dối là: “Cần tiền thực hiện phong tỏa tài khoản của bị đơn Nguyễn Thị Ánh T1 cùng với hứa hẹn là tiền phí thực hiện phong tỏa sẽ được nhà nước hoàn trả lại sau khi giải quyết xong vụ án”. Trong ngày 17/02/2022, N yêu cầu anh K chuẩn bị số tiền 90.000.000 đồng chuyển cho N để thực hiện phong tỏa. Anh K tin tưởng N nói là đúng sự thật, nên vào ngày 18/02/2022 đã chuyển số tiền 90.000.000 đồng vào tài khoản số 247540407 của N. Sau khi nhận được tiền thì N đã tiêu xài cá nhân, nhưng N thông báo cho anh K biết là đã thực hiện xong việc phong tỏa tài khoản như đã thỏa thuận. Việc khởi kiện được anh K giao hết cho N theo nội dung giấy ủy quyền, đến ngày 01/4/2022 Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xác nhận đã nhận đơn khởi kiện của N, ngày 17/05/2022 N trực tiếp tham gia hòa giải với bị đơn tại Tòa án, do không thống nhất được nội dung hòa giải, đến ngày 12/07/2022 N nộp tiền tạm ứng án phí là 19.461.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo yêu cầu của Tòa án. Ngày 25/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè tiến hành thụ lý và phân công thẩm phán giải quyết vụ án dân sự số 87/2022/TLST-DS. Ngoan tham gia các hoạt động liên quan đến vụ án gồm: Nhận thông báo thụ lý, tham gia nộp bản khai ý kiến, tham gia cung cấp lời khai ... anh K không tham gia các hoạt động liên quan đến vụ án nhưng thường xuyên hỏi N về kết quả, diễn biến quá trình giải quyết, N có cung cấp cho K biết là vụ án đang được giải quyết và đã có lịch xét xử. Do thời gian dài mà chưa nhận được kết quả giải quyết cho đến tháng 12/2022 anh K trực tiếp liên hệ đến Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè để hỏi kết quả giải quyết, lúc này K mới biết N lấy tiền mà không thực hiện việc phong tỏa tài khoản của bị đơn như nội dung thỏa thuận, biết bản thân bị N lừa dối nên K chủ động liên hệ với N để yêu cầu N chấm dứt tham gia vụ án đồng thời trả lại số

tiền mà N đã nhận từ K nhưng Ngoan cố tình trốn tránh mà không gặp anh K để thỏa thuận. Vào ngày 30/12/2022, anh K gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè để yêu cầu chấp dứt tham gia tố tụng của N trong vụ án. Ngoài số tiền chuyển nêu trên thì anh K còn trình bày từ tháng 04/2022 đến tháng 10/2022 thì anh K đã đưa tiền cho N thêm 04 lần để lo giải quyết nhanh vụ án và chi phí cần thiết khác để thuận lợi trong quá trình giải quyết với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, trong đó 02 lần đưa tiền mặt tại Phường E, thành phố V và 02 lần thực hiện chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 247540407. Tổng số tiền anh K đưa cho N là 170.000.000 đồng, do N không thực hiện việc trả tiền cho anh K nên K nhận thấy hành vi của Nguyễn Văn N có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 04/04/2023 anh K đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V để tố giác hành vi phạm tội của N. Cơ quan điều tra đã tiếp nhận nội dung đơn tố giác và tiến hành thụ lý giải quyết theo quy định, quá trình giải quyết đã tiến hành triệu tập N làm việc nhưng N không chấp hành, kết quả xác minh xác định N không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiến hành ra quyết định truy tìm đồng thời tiến hành thông báo rộng rãi trên phương tiện truyền thông để yêu cầu N tự giác liên hệ đến Cơ quan điều tra để làm việc nhưng N không đến. Từ kết quả điều tra và tài liệu, chứng cứ thu thập được có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn N đã đưa ra thông tin gian dối về việc thực hiện phong tỏa tài khoản của bị đơn là chị T1 để đảm bảo thi hành án làm cho anh K tin tưởng chuyển tiền phí cho N, thời điểm này không có căn cứ để xác định tài khoản, số dư tài khoản của bị đơn để N thực hiện việc phong tỏa. Từ các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh K trước khi anh K thực hiện việc chuyển tiền cho N.

Tại bản án sơ thẩm số: 04/2025/HSST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2024.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tình tiết gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha vợ, anh ruột bị cáo được nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu khen thưởng cao quý, hiện tại mẹ bị cáo bị bệnh cần có

người chăm sóc để giảm hình phạt cho bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm xét xử là nghiêm khắc đối với hành vi của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Thống nhất với tội danh và điều luật mà tòa cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo mà cấp sơ thẩm chưa xem xét đó là: Bị cáo sống trong gia đình có truyền thống cách mạng, có ông, bà, anh ruột và cha vợ được nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý; hiện tại gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, mẹ ruột lớn tuổi đang bệnh cần có người chăm sóc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt, xử bị cáo mức án bằng với thời gian đã tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa hôm nay.

Bị cáo thống nhất lời bào chữa của vị luật sư và không có lời bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên và vị luật sư phát biểu tranh luận, sau cùng các bên vẫn bảo lưu ý kiến.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo

Trên cơ sở từ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng tháng 12/2021 bị cáo ký hợp đồng với anh Nguyễn Bình K tham gia tố tụng dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Nội dung anh K khởi kiện chị Nguyễn Thị Ánh T1 để yêu cầu trả lại số tiền là 897.464.000 đồng. Trong khoảng thời gian làm đại diện theo ủy quyền này do bị cáo cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã nói dối anh K phải nộp tiền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

phong tỏa tài khoản của chị T1 là 90.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong bị cáo chiếm đoạt số tiền này và bỏ trốn.

Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn N phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà bị cáo bất chấp sự trừng phạt của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm nhiều Bằng khen, giấy khen của cha bị cáo, anh ruột bị cáo, bị cáo có ông cố là liệt sĩ đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo chưa có cơ sở để chấp nhận như đã nhận định trên.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2025/HSST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N 01 (Một) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2024.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TPVL: 03;
- CQTHADS TPVL: 01;
- PTTG KVTPVL: 01;
- Trại giam: 01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã Hiếu Nhơn: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lâm Văn Năm